

Những điểm mới của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015

Ngày 25/11/2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật tố tụng hành chính (Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 - sau đây gọi tắt là Luật TTHC 2015). Đây là một trong những đạo luật quan trọng về tố tụng được Quốc hội thông qua theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, là đạo luật có tác động trực tiếp đến hoạt động của các quan Hành chính khi thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong việc ban hành quy định hành chính và thực hiện hành vi hành chính có thể dẫn đến bị khiếu kiện và án hành chính.

Đổi mới khai thi hành có hiệu quả Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, nhằm huy động tối đa phát sinh và việc khiếu nại hoặc khiếu kiện và án hành chính tại Tòa án có thể xảy ra và góp phần đấu tranh, phòng ngừa và phòng phạm pháp luật trong lĩnh vực hành chính. Chi hội Luật gia Công Hội quan tâm Quốc gia Bình đẳng và giới thiệu những điểm mới của Luật TTHC 2015 đến cán bộ, công chức, người lao động Công Hội quan tâm Quốc gia Bình đẳng và giới biệt và thực hiện.

Điểm này đây là những điểm mới của Luật TTHC 2015:

1. Về mặt sơ khái niệm

Bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung một số khái niệm của Luật TTHC năm 2010 như quy định hành chính, hành vi hành chính, quy định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của các quan, tổ chức, Luật TTHC năm 2015 còn bổ sung quy định mới về thuật ngữ như:

Quy định hành chính bất kỳ: Là quy định hành chính mà quy định đó làm phát sinh, thay đổi, hủy bỏ, chấm dứt quyền, lợi ích hoặc pháp của các quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, nghĩa vụ pháp của các quan, tổ chức, cá nhân.

Hành vi hành chính bất kỳ: Là hành vi hành chính mà hành vi đó làm ảnh hưởng đến việc thực

hiện quy định, lợi ích hợp pháp của cá nhân.

Vấn đề pháp lý: Là vấn đề có liên quan đến quy định và lợi ích của người; có tài liệu, chứng cứ mâu thuẫn với nhau cần có thủ tục giám sát, xác minh, đánh giá hoặc tham khảo ý kiến của các chuyên môn; có đương sự là người nước ngoài đang cư trú nước ngoài hoặc người Việt Nam đang cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài.

Trình tự khách quan: Là trình tự do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người có quy định, nghĩa vụ không thể biết về việc quy định, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc không thể thực hiện được quyền hoặc nghĩa vụ của mình.

Số kiến nghị khách quan: Là số kiến nghị xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

2. Về báo cáo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử

Luật TTHC năm 2015 bổ sung các quy định về thủ tục tố tụng tố tụng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được báo cáo theo khoản 5 Điều 103 Hiến pháp năm 2013, như:

- Quy định nguyên tắc về báo cáo tranh tụng trong xét xử (Điều 18):

“1. Tòa án có trách nhiệm báo cáo cho đương sự, người bị tố cáo và quy định và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử sớm nhất, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của Luật này.

2. Đương sự, người bị tố cáo và quy định và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền thu thập, giao nộp, cung cấp tài liệu, chứng cứ kịp thời khi Tòa án thụ lý vụ án hành chính và công khai thông báo cho nhau các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp; trình bày, trả lời, phát biểu quan điểm, lập luận và đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng để báo cáo yêu cầu, quy định và lợi ích hợp pháp của mình hoặc bác bỏ yêu cầu của người khác theo quy định của Luật này.

3. Trong quá trình xét xử, mọi tài liệu, chứng cứ phải được xem xét kỹ lưỡng, khách quan, toàn diện, công khai, trình bày không được công khai theo quy định của Luật này. Tòa án đưa ra hành vi tranh tụng, hỏi và trả lời vấn đề chính xác và căn cứ vào kết quả tranh tụng để ra bản án, quyết định.

- Bổ sung quy định, nghĩa vụ của đương sự trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quy định trách nhiệm của Tòa án trong việc hỏi trình đương sự thu thập tài liệu, chứng cứ, tổ chức điều tra khi cần thiết cho đương sự thực hiện quy định tranh tụng:

+ Các đương sự có quyền và nghĩa vụ chi trả thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp;

+ Có quy định nghĩa vụ của Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án mà bị tố cáo không thực hiện được;

+ Điều nghĩa vụ của Tòa án buộc bên đương sự khác xuất trình tài liệu, chứng cứ mà họ đang lưu giữ, quản lý;

+ Điều nghĩa vụ của Tòa án ra quyết định buộc các quan, chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý chứng cứ phải cung cấp chứng cứ ...;

+ Tòa án có trách nhiệm hỏi trình đương sự trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ và tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ; yêu cầu của quan, chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án hoặc đương sự;

+ Các quan, chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và đúng thời hạn tài liệu, chứng cứ mà mình đang lưu giữ, quản lý cho đương sự, Tòa án, Viện kiểm sát khi có yêu cầu và phải chịu trách nhiệm trình báo pháp luật về việc cung cấp

tài liệu, chứng cứ đó;

Trường hợp không cung cấp được thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho đương sự, Tòa án, Viện kiểm sát bị tố...

- Bổ sung quy định về quy định tiếp cận, trao đổi tài liệu, chứng cứ của đương sự (Điều 98):

“1. Đương sự có quyền được biết, ghi chép, sao chép, trao đổi tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp cho Tòa án hoặc do Tòa án thu thập được, trừ tài liệu, chứng cứ quy định tại khoản 2 Điều 96 của Luật này.

2. Khi đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án thì trong thời hạn 05 ngày làm việc phải thông báo cho đương sự khác biết và việc đã giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để đương sự khác liên hệ với Tòa án thực hiện quyền tiếp cận tài liệu, chứng cứ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án thu thập được tài liệu, chứng cứ thì Tòa án phải thông báo cho đương sự biết để họ thực hiện quyền tiếp cận tài liệu, chứng cứ quy định tại khoản 1 Điều này”.

- Quy định về tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, trừ việc án theo thủ tục rút gọn và việc án khiếu kiện vụ danh sách công tri. Việc tổ chức phiên họp này tạo điều kiện cho các đương sự tiếp cận tài liệu, chứng cứ của nhau và yêu cầu, phản biện khi cần, yêu cầu được lập, việc bổ sung tài liệu, chứng cứ, đồng nghĩa Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ, triệu tập đương sự khác, ngừng làm chứng và ngừng tham gia tố tụng khác tại phiên tòa...

- Quy định về thủ tục hỏi, trình bày chứng cứ, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm theo hướng công khai, minh bạch, dân chủ và bảo đảm thủ tục hỏi đúng, đồng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm tố tụng của Tòa án, ngừng tham gia tố tụng theo đúng nguyên tắc tranh tụng, và bảo đảm phán quyết của Tòa án khách quan, chính xác, đúng pháp luật trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ và kết quả tranh tụng...

3. Về bổ trợ trợ giúp quy định bổ trợ quy định và lợi ích hợp pháp của đương sự

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định: *Nhà nước có trách nhiệm bổ trợ trợ giúp pháp lý cho người đi kiện kiện giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý để họ thực hiện quyền bổ trợ quy định và lợi ích hợp pháp trước Tòa án; không ai được hạn chế quyền bổ trợ quy định và lợi ích hợp pháp của đương sự trong bất kỳ hình thức hành chính* (Điều 19)

.

4. Về điều kiện

Theo Luật TTHC năm 2010 trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, Tòa án tổ chức điều tra kiện các đương sự điều kiện và việc giải quyết vụ án (điều kiện không phải là thẩm quyền bắt buộc). Luật TTHC năm 2015 quy định điều kiện là thẩm quyền bắt buộc và là nhiệm vụ của Thẩm phán khi đương sự Chánh án Tòa án phân công giải quyết vụ án. Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định của thẩm quyền nguyên tắc điều kiện; việc nhậm chức vụ án không tiến hành điều kiện đương sự; việc thông báo phiên họp điều kiện; thành phần, thẩm quyền điều kiện; biên bản điều kiện và xử lý kết quả điều kiện (các điều kiện Điều 134 đến Điều 140).

5. Về giám đốc việc xét xử

Luật TTHC năm 2015 quy định *Tòa án nhân dân tỉnh cao giám đốc việc xét xử của các Tòa án; Tòa án nhân dân cấp cao giám đốc việc xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Tòa án cấp tỉnh), Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (Tòa án cấp huyện) trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ để bổ trợ trợ giúp áp dụng thẩm quyền pháp luật trong xét xử* (Điều 24)

.

Đây là quy định để bổ trợ trợ giúp phù hợp với quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và việc Tòa án nhân dân đương sự tổ chức theo 4 cấp.

6. Về xem xét, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan trong vụ án hành chính

Đó là Tòa án theo các hiên tượng nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, bảo vệ pháp chế cho việc giải quyết án hành chính đúng pháp luật, Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định như sau: *ong quá trình giải quyết vụ án hành chính, Tòa án có quyền xem xét và tính hợp pháp của văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến quy định hành chính, hành vi hành chính bị kiện và kiện ngược quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét và văn bản hành chính, hành vi hành chính đó và trả lời kết quả cho Tòa án theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; Tòa án có quyền kiện ngược quan, cá nhân có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật nếu phát hiện văn bản đó có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan đối với thẩm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Cơ quan, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời Tòa án kết quả xử lý văn bản quy phạm pháp luật bị kiện ngược theo quy định của pháp luật làm cơ sở để Tòa án giải quyết vụ án (Điều 6).*

Đó là theo các hiên tượng quy định nêu trên, Luật TTHC năm 2015 đã bổ sung nhiều quy định liên quan đến việc xem xét, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có liên quan trong vụ án hành chính, như: Quy định về trình tự, thẩm quyền kiện ngược sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật và trách nhiệm theo các hiên tượng kiện ngược sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật (Chương VIII); việc việc Tòa án quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án khi cần trả lời kết quả xử lý văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc giải quyết vụ án có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên mà Tòa án đã có văn bản kiện ngược với cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản đó (Điều 141); việc quy định của Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa trong trường hợp cần phải yêu cầu cơ quan, ngành có thẩm quyền xem xét, xử lý văn bản hành chính liên quan đến quy định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện hoặc phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án hành chính mà có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và Hội đồng xét xử có quyền áp dụng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên để quyết định nếu quá thời hạn quy định mà không nhận được văn bản trả lời của cơ quan, ngành có thẩm quyền (Điều 193, Điều 241)...

7. Những khi nào kiện ngược thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

Ngoài việc kể trên các quy định của Luật TTHC năm 2010 về những khi nào kiện ngược thẩm quyền giải quyết của Tòa án và để bảo vệ tính khách quan, Luật TTHC năm 2015 quy định quy định để áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân và quyết định xử lý hành

chính các hành vi công nhân hoạt động tại công xã Tòa án nhân dân không thu được lợi ích kinh tế và án hành chính. Luật còn bổ sung đối tượng kinh tế và án hành chính là danh sách công nhân công nhân ý dân để báo động phù hợp với Luật công nhân ý dân năm 2015.

8. Về thẩm quyền của công nhân xã Tòa án

Ngoài việc sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền của công nhân xã Tòa án; phân định thẩm quyền kháng nghị theo thẩm cấp giám đốc thẩm, tái thẩm và phúc thẩm xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm để phù hợp với các quy định của Luật tố tụng Tòa án nhân dân năm 2014 và báo động hiện tại của việc gia tăng khiếu nại hành chính, Luật TTHC năm 2015 quy định về khiếu nại quy định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì việc gia tăng theo thẩm cấp thẩm thu được thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh (khoản 4 Điều 32).

Việc quy định giao cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết theo thẩm cấp thẩm khiếu nại khiếu nại quy định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nhằm khắc phục tồn tại, bất công tố tụng nhằm đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của Đảng, Nhà nước và Nhân dân trong công tác giải quyết các khiếu nại hành chính theo tinh thần cải cách tư pháp, nhanh chóng lập lại trật tự trong quản lý hành chính nhà nước, kịp thời báo về quy định, lợi ích hợp pháp của công quan, tổ chức, cá nhân.

9. Về nguồn tài trợ hành tố tụng hành chính

Luật TTHC năm 2015 bổ sung hai chế độ mới là nguồn tài trợ công tố m Thẩm tra viên, Kiểm sát viên và quy định chế độ nhiệm vụ, quy định hân của Thẩm tra viên, Kiểm tra viên trong tố tụng hành chính. Việc bổ sung hai chế độ mới này để báo động phù hợp với Luật tố tụng Tòa án nhân dân và Luật tố tụng Viên kiểm sát nhân dân năm 2014.

10. Về nhiệm vụ, quy định hân của Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Kiểm sát viên

- Luật TTHC năm 2015 bổ sung các nhiệm vụ, quy định hân mới của Chánh án Tòa án và Thẩm phán, như: Quy định kinh tế và công quan, cá nhân có văn bản hành chính, hành vi hành chính

có liên quan đến quy định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại xem xét sơ thẩm, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản, chức vụ hành vi đó nếu phát hiện có dấu hiệu trái với quy định của pháp luật; khiếu nại về cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xem xét, sơ thẩm, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật nếu phát hiện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định của Luật này; xử lý hành vi cản trở hoạt động tố tụng hành chính theo quy định của pháp luật... Đây là những nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh án Tòa án, Thẩm phán trên cấp sơ thẩm hóa quy định của Luật tố tụng Tòa án nhân dân năm 2014.

- Luật còn sơ thẩm, bổ sung, quy định các nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên trong tố tụng hành chính để phù hợp với quy định của Luật tố tụng Vi phạm khiếu nại nhân dân năm 2014.

11. Về khả năng quy định, nghĩa vụ tố tụng hành chính

Đề nghị quy định về những mặt của thẩm quyền có sự thay đổi để gia hạn hành chính, Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định: *“Trình tự hợp sắp xếp, chia, tách, giải thể, dissolution của gia hạn hành chính trong một đơn vụ hành chính mà đơn kiện quy định hành chính có sự thay đổi thì cơ quan, thẩm chức, cá nhân đã ra quyết định hành chính có trách nhiệm tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện tại Tòa án nơi cơ quan, thẩm chức, cá nhân có quyết định hành chính bị kiện. Cơ quan tiếp nhận đơn kiện quy định hành chính bị kiện phải tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”* (khoản 5 Điều 59)

12. Về người đi kiện của người bị kiện trong tố tụng hành chính

- Để phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015, Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định về người đi kiện theo pháp luật trong tố tụng hành chính đối với người bị kiện nên chú ý hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người được Tòa án chấp nhận (khoản 2 Điều 60); bổ sung quy định về người đi kiện theo quy định của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân: *“Trình tự hợp gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia tố tụng hành chính thì các thành viên có thẩm quyền quy định cho một thành viên hoặc người khác làm đơn kiện tham gia tố tụng hành chính”* (khoản 3 Điều 60)

- Theo khoản 8 Điều 49 và khoản 5 Điều 54 Luật TTHC năm 2010 thì người bị kiện có thể yêu cầu quy định cho người đi kiện tham gia giám quyết định và án hành chính; người đi kiện không được yêu cầu quy định cho người thừa và người thừa kế của người bị kiện toàn bộ các quy định, nghĩa vụ tố tụng hành chính của người bị kiện. Quy định này trên thực tế đã nảy sinh bất cập đó là trong nhiều trường hợp người bị kiện yêu cầu quy định cho cán bộ, công chức không rõ họ có không có thẩm quyền xem xét, giám quyết định như việc liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện, thẩm chế có trường hợp yêu cầu quy định cho Luật sư tham gia tố tụng làm cho việc thực hiện thi công các công trình, việc kiểm tra, đánh giá công trình, tranh luận tại phiên tòa gặp khó khăn, không hiểu quy định, việc giám quyết định án bị kéo dài, không báo cáo được Tòa án xem xét giám quyết định khách quan, toàn diện và án. Để khắc phục tình trạng này, báo cáo đề xuất cho việc giám quyết định án thực chất và hiểu quy định, Luật TTHC năm 2015 quy định “*Trường hợp người bị kiện là công nhân, công nhân viên chức hoặc người đi thuê công nhân, công nhân thì người bị kiện chỉ được yêu cầu quy định cho công nhân của mình đi kiện. Người đi kiện có yêu cầu tham gia vào quá trình giám quyết định toàn bộ và án, thực hiện dự án các quy định và nghĩa vụ của người bị kiện theo quy định của Luật này*” (khoản 3 Điều 60)

13. Về người bị báo yêu cầu và lợi ích hợp pháp của công nhân

Theo quy định hiện hành thì người bị báo yêu cầu và lợi ích hợp pháp của công nhân là người được công nhân thuê và được Tòa án chấp nhận tham gia tố tụng để báo yêu cầu và lợi ích hợp pháp của công nhân. Việc được Tòa án chấp nhận đi kiện là việc hợp pháp của Công nhân thuê người bị báo yêu cầu. Theo Luật TTHC năm 2015, người bị báo yêu cầu và lợi ích hợp pháp của công nhân là người được công nhân thuê và được Tòa án làm thủ tục đăng ký người bị báo yêu cầu và lợi ích hợp pháp của công nhân. Thủ tục đăng ký người bị báo yêu cầu và lợi ích hợp pháp của công nhân được quy định tại khoản 4, 5 Điều 61 như sau:

“4. Khi đi kiện Tòa án làm thủ tục đăng ký người bị báo yêu cầu và lợi ích hợp pháp của công nhân, người đi kiện phải nộp hồ sơ như sau đây: a) Luật sư phải nộp hồ sơ các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật sư; b) Trợ giúp viên pháp lý hoặc người tham gia trợ giúp pháp lý nộp hồ sơ văn bản của người bị kiện trình giúp pháp lý của công nhân trình giúp pháp lý và thủ tục trợ giúp viên pháp lý hoặc thủ tục luật sư; c) Công dân Việt Nam có đi kiện quy định tại điều khoản 2 Điều này nộp hồ sơ trình giám yêu cầu của công nhân và giám tùy thân.

5. Sau khi kiểm tra giấy tờ và thực tế người đi kiện có đi kiện làm người bị báo yêu cầu và lợi ích hợp pháp của công nhân quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này thì trong thời hạn 03

ngày làm việc kể từ ngày nhận được các đề nghị, Tòa án phải vào sổ đăng ký ngay khi bị o vạ quy n và lập lịch họp pháp định để nghe và xác nhận vào giấy yêu cầu ngay khi bị o vạ quy n và lập lịch họp pháp định. Trường hợp phải chờ đăng ký thì Tòa án phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người đề nghị”.

14. Về người phiên dịch

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định về người phiên dịch để với trường hợp có người khuyết tật nhìn hoặc người khuyết tật nghe, người khuyết tật nói: “Người bị tật chột mắt hoặc người khuyết tật nhìn hoặc người bị tật nghe, nói bằng ngôn ngữ, ký hiệu của người khuyết tật nghe, người khuyết tật nói cũng được coi là người phiên dịch” (Điều 64).

15. Về thi gian giao nộp tài liệu, chứng cứ; xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ

- Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định về thi gian giao nộp chứng cứ: “Thi gian giao nộp tài liệu, chứng cứ do Thẩm phán được phân công giữ quy t v án n định như không được quá thi hạn của bản xét xử theo thi t c s thẩm quy định thi Điều 130 của Luật này” ; bổ sung quy định:

Trường hợp tài liệu, chứng cứ đã được giao nộp cho bị o vạ để gửi quy t v án thì Thẩm phán yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ. Trường hợp đương sự không thi t mình thu thập được tài liệu, chứng cứ và có yêu cầu hoặc xét thi y c n thi t, Tòa án có thi t mình hoặc y thác thi n hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ các tình thi t của v án

(Điều 83). Để với trường hợp sau khi có quy t định đưa v án ra xét xử theo thi t c s thẩm, đương sự mới giao nộp tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã yêu cầu giao nộp trước đó thì đương sự phải chứng minh lý do của việc chậm giao nộp tài liệu, chứng cứ. Để với tài liệu, chứng cứ mà trước đó Tòa án không yêu cầu đương sự phải giao nộp hoặc tài liệu, chứng cứ mà đương sự không thi bi t được trong quá trình giữ quy t v án theo thi t c s thẩm thì đương sự có quy n giao nộp, trình bày thi i phiên tòa s thẩm (Điều 133).

- Ngoài việc sửa đổi, bổ sung quy định của thi các biện pháp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, Luật TTHC năm 2015 còn bổ sung quy định về xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ trong giai đoạn giám đốc thi m: “Trong giai đoạn giám đốc thi m, tái thi m, Thẩm tra viên có thi t n hành các biện pháp thu thập chứng cứ quy định thi i thi m a và thi m g kho n 2 Điều này. Khi Thẩm tra viên thi n hành biện pháp quy định thi i thi m g kho n 2 Điều này, Tòa án phải ra quy t

định, trong đó nêu rõ lý do và yêu cầu của Tòa án”

(khoản 4 Điều 84)

16. Về cấp, nội dung, thông báo văn bản nội dung

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định mới về thẩm cấp, nội dung hoặc thông báo bằng phương tiện điện tử, theo đó “*về cấp, nội dung hoặc thông báo bằng phương tiện điện tử để thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử*”.

Đây là phương thức mới và Quốc hội đã giao Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn để thi hành. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ mà Tòa án nhân dân tối cao phải thực hiện để triển khai thi hành Luật này.

17. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

- Để nâng cao trách nhiệm của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính, Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định về trách nhiệm của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng thẩm quyền hoặc không áp dụng mà gây thiệt hại cho người có yêu cầu: “*Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà không có lý do chính đáng, gây thiệt hại cho người có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Tòa án phải bồi thường. Về bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được thực hiện theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*” (Điều 72).

- Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định các trường hợp Tòa án ra quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời: “*Tòa án ra quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được áp dụng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã nghỉ hưu; b) Biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được áp dụng; c) Việc án đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; d) Các trường hợp Tòa án trả lại đơn khởi kiện theo quy định của Luật này; đ) Việc án được đình chỉ theo quy định tại Điều 143 của Luật này*” (khoản 2 Điều 74).

18. Về thẩm quyền khởi kiện

Độc lập có thể tình trạng người dân khi họ đi đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì người không giải quyết và không thông báo cho người khiếu nại đến đơn vị tiếp nhận hồ sơ khi họ không biết ra Tòa án thì thời gian khiếu nại tính từ ngày họ nhận được hồ sơ bị từ chối quyết định hành chính, Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định: “*Trường hợp hồ sơ khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật được quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời gian khiếu nại kể từ quy định như sau: a) 01 năm kể từ ngày nhận được hồ sơ bị từ chối quyết định giải quyết khiếu nại liên quan đến hồ sơ quyết định giải quyết khiếu nại liên quan hai; b) 01 năm kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật mà quan nhà nước, người có thẩm quyền không giải quyết và không có văn bản trả lời cho người khiếu nại”.*

19. Về giải quyết khiếu nại, kiện ngành quyết định trả lời đơn khiếu kiện

Độc lập có thể tính minh bạch, tạo điều kiện cho công dân trình bày ý kiến của mình đối với việc trả lời đơn khiếu kiện, Luật TTHC năm 2015 quy định về giải quyết khiếu nại, kiện ngành này phải được tiến hành bằng phiên họp:

“2. Ngay sau khi nhận được khiếu nại, kiện ngành về việc trả lời đơn khiếu kiện, Chánh án Tòa án phải phân công một Thẩm phán xem xét, giải quyết khiếu nại, kiện ngành .

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải triệu tập phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiện ngành . Phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiện ngành có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát cùng cấp và công dân có khiếu nại. Kiểm sát viên vắng mặt thì Thẩm phán vẫn tiến hành phiên họp”
(Điều 124)

20. Về thẩm định chi phí giải quyết vụ án

Luật TTHC năm 2015 bổ sung các trường hợp Tòa án quyết định thẩm định chi phí giải quyết vụ án bao gồm:

- Các điều kiện quy định giám đốc nhậm chức, giám đốc nhậm chức; các điều kiện quy định thẩm quyền thay thế pháp, thay thế thu thập chứng cứ hoặc điều tra, các chức vụ cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án mà ghi quy định của văn bản;

- Các điều kiện quy định lý văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc ghi quy định văn bản có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên mà Tòa án đã có văn bản kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản đó.

21. Về yêu cầu điều tra và phiên tòa sơ thẩm

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định về địa điểm tổ chức phiên tòa, hình thức bố trí phòng xét án, theo đó phiên tòa được tổ chức tại trụ sở Tòa án hoặc có thể ngoài trụ sở Tòa án như phòng họp hoặc phòng tính trang nghiêm và hình thức bố trí phòng xét án là Quốc hội hoặc Công hòa XHCN Việt Nam được treo chính giữa phía trên phòng xét án và phía trên chứng cứ của Hội đồng xét xử; phòng xét án phải có các khu vực được bố trí riêng cho Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký phiên tòa, đương sự, người bào chữa quy định và lợi ích hợp pháp của đương sự, những người tham gia tố tụng khác và người tham dự phiên tòa (Điều 150 và Điều 151).

22. Về số có mặt và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm

Theo Luật TTHC năm 2010 thì trình tự hợp việc mặt Kiểm sát viên tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử quy định để thuận phiên tòa. Luật TTHC năm 2015 quy định trình tự hợp việc *Kiểm sát viên được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phân công có nhiệm vụ tham gia phiên tòa, nếu việc mặt thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử* (Điều 156)

Luật còn bổ sung quy định về Kiểm sát viên được phát biểu ý kiến về việc ghi quy định văn bản và quy định ngay sau khi kết thúc phiên tòa, Kiểm sát viên phải ghi văn bản phát biểu ý kiến cho Tòa án để lưu vào hồ sơ vụ án (Điều 190).

23. Về xét xử việc mặt tố tụng những người tham gia tố tụng

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định về thẩm tra xét xử vụ án mà thẩm phán, hội thẩm nhân dân tham gia phiên tòa như sau:

“1. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vụ án mà thẩm phán, hội thẩm nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định của Luật này khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Người khởi kiện, người đi kiện hợp pháp của người khởi kiện có đủ năng lực xét xử vụ án; b) Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đi kiện hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đủ năng lực xét xử vụ án hoặc đã được trình tự pháp luật theo hai mà vẫn vụ án; c) Người bị tố cáo, bị ích hợp pháp của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đủ năng lực xét xử vụ án hoặc đã được trình tự pháp luật theo hai mà vẫn vụ án.

2. Chủ tọa phiên tòa công bố lý do thẩm phán, hội thẩm nhân dân của thẩm phán, hội thẩm nhân dân xét xử vụ án.

3. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận và nhận xét về năng lực của người quy định trong vụ án.

4. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát.

5. Hội đồng xét xử tiến hành nghị án và tuyên án theo quy định của Luật này”.

24. Về thẩm phán phiên tòa

Luật TTHC năm 2010 quy định trong trình tự tố tụng, việc xét xử có thẩm phán, hội thẩm nhân dân không quá 05 ngày làm việc. Hội thẩm nhân dân thẩm phán, hội thẩm nhân dân xét xử vụ án được tiếp tục. Luật TTHC năm 2015 quy định các căn cứ, thời hạn thẩm phán, hội thẩm nhân dân phiên tòa như sau:

“1. Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có quyền niêm phong phiên tòa khi có mặt trong các căn cứ sau đây: a) Do tình trạng sức khỏe hoặc do sự kiện bất khả kháng, trình nghị khách quan khác mà người bị tố cáo hành vi phạm tội không thể tiếp tục tiến hành phiên tòa, trình nghị người chấp hành thay thế được người bị tố cáo hành vi phạm tội; b) Do tình trạng sức khỏe hoặc do sự kiện bất khả kháng, trình nghị khách quan khác mà người bị tố cáo hành vi phạm tội không thể tiếp tục tham gia phiên tòa, trình nghị người chấp hành tham gia hành vi phạm tội có yêu cầu xét xử vắng mặt; c) Công khai xác minh, thu thập bằng chứng tài liệu, chứng cứ mà không thể hiện thì không thể giữ quy tắc được và án và không thể thể hiện được ngay tại phiên tòa; d) Công khai báo cáo về Chánh án Tòa án có thẩm quyền để đình chỉ, kiện nghị sự để, bằng chứng hoặc bãi bỏ vẫn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 111 của Luật này; đ) Các bên đương sự đình chỉ Tòa án niêm phong phiên tòa để các bên đương sự tự do; e) Chủ tịch quĩ giám định bổ sung, giám định lại quy định tại khoản 4 Điều 185 của Luật này.

2. Việc niêm phong phiên tòa phải được ghi vào biên bản phiên tòa. Thời hạn niêm phong phiên tòa không được quá 30 ngày kể từ ngày Hội đồng xét xử quyết định niêm phong phiên tòa. Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa, nếu lý do đình niêm phong phiên tòa không còn. Hội đồng hành vi này, nếu lý do niêm phong phiên tòa chưa được khắc phục, Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ hành vi giữ quy tắc và thông báo bằng văn bản cho người bị tố cáo hành vi phạm tội và Viện kiểm sát cùng cấp với thời gian tiếp tục phiên tòa”(Điều 187).

25. Vấn đề án

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định về những vấn đề phải quyết định khi nghị án như sau:

“3. Khi nghị án, Hội đồng xét xử chủ động căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghiên cứu, áp dụng án lệ hành chính (nếu có) liên quan để quyết định về các vấn đề sau đây: a) Tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của quyết định hành chính hoặc việc thực hiện hành vi hành chính bất hợp pháp; b) Tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính hoặc việc thực hiện hành vi hành chính; c) Thời hạn, thời hạn ban hành quyết định hành chính hoặc thực hiện hành vi hành chính; d) Mối liên hệ giữa quy định hành chính, hành vi hành chính với quy định và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và những người có liên quan; đ) Tính hợp pháp và có căn cứ của văn bản hành chính có liên quan (nếu có); e) Vấn đề bồi thường thiệt hại và vấn đề khác (nếu có) (khoản 3 Điều 191).

26. Về thẩm quyền của Hội đồng xét xử

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định Hội đồng xét xử có quyền tuyên hủy quy định ghi ở quy định khi nó có liên quan (nếu có) và kiến nghị cách thức xử lý đối với quy định hành chính trái pháp luật đã bị hủy (Điều 193).

27. Về bản án sơ thẩm

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định: *“Khi xét xử phiên án mà bản án, quyết định đã bị hủy mất phần hoặc toàn bộ theo quy định giám đốc thẩm, tái thẩm, Tòa án phải ghi quyết định vào sổ, nghĩa vụ đã thực thi hành theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật như ng bị hủy và ghi rõ trong bản án”* (Điều 194)

28. Về tuyên án

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định: *“Hội đồng xét xử tuyên đốc bản án có mất các đương sự. Trường hợp đương sự có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án hoặc vắng mặt theo quy định tại khoản 5 Điều 191 của Luật này thì Hội đồng xét xử vẫn tuyên đốc bản án. Trường hợp hủy xét xử kín theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này thì Hội đồng xét xử tuyên công khai phần mở đầu và phần quyết định của bản án”* (Điều 195)

29. Về thi hành kháng cáo

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thi hành kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thi hành kháng cáo kể từ ngày tuyên án ; bổ sung quy định về thi hành tính

thời hạn kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm trong trường hợp quy định như các điểm c và d của Điều 300 Bộ luật Tố tụng hình sự; và ngày kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ kháng cáo đang bị tạm giữ hoặc bị tạm giam

(
Điều 206).

30. Về kháng nghị của Viện kiểm sát

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định về trường hợp Tòa án nhận được quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát khi đã quá thời hạn kháng nghị, theo đó *khi Tòa án nhận được quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát mà quyết định kháng nghị đó đã quá thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu Viện kiểm sát giải thích bằng văn bản và nêu rõ lý do* (khoản 3 Điều 213)

31. Về thời hạn giải quyết vụ án và kháng cáo, kháng nghị

Luật TTHC năm 2015 sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết vụ án và kháng cáo, kháng nghị theo hướng: *Tòa án cấp sơ thẩm phải giải quyết vụ án, kháng cáo, kháng nghị và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị và hết thời hạn kháng cáo, ngừng kháng cáo nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm biên lai thu tiền tạm ngừng án phí phúc thẩm* (Điều 216).

32. Về thời lý vụ án để xét xử phúc thẩm

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định về thời hạn thông báo thời lý vụ án để xét xử phúc thẩm: *Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thời lý vụ án, Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp và việc Tòa án đã thời lý vụ án và thông báo trên Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có)* (Điều 217).

33. Về số có mặt của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm

Luật TTHC năm 2015 quy định: “*Kiểm sát viên được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phân công có nhiệm vụ tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa khi Kiểm sát viên vắng mặt trong phiên họp Viện kiểm sát có kháng nghị*”
(Điều 224)

Như vậy, đối với phiên họp Viện kiểm sát không có kháng nghị mà Kiểm sát viên vắng mặt tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

34. Về trình tự công bố kiến nghị của Hội đồng y ban quyết định hành chính, quyết định khiếu nại, quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, đấu giá, khế ước hành vi hành chính bị khiếu nại trong giai đoạn phúc thẩm

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định giải quyết đối với phiên họp trong giai đoạn phúc thẩm, nội dung kiến nghị của Hội đồng y ban quyết định hành chính, quyết định khiếu nại, quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, đấu giá, khế ước hành vi hành chính bị khiếu nại:

“1. Trình tự công bố kiến nghị của Hội đồng y ban quyết định hành chính, quyết định khiếu nại, quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh hoặc đấu giá, khế ước hành vi hành chính bị khiếu nại liên quan đến quy định, nghĩa vụ của quan, chức, cá nhân và người khiếu nại đồng ý rút đơn khiếu nại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu đình chỉ giải quyết yêu cầu thì Hội đồng xét xử phúc thẩm Hội đồng y ban án, quyết định sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án; trong quyết định của ban án phải ghi rõ cam kết của đương sự để bảo đảm thi hành án hành chính.

2. Trình tự công bố kiến nghị của Hội đồng y ban quyết định hành chính, quyết định khiếu nại, quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh hoặc đấu giá, khế ước hành vi hành chính đó liên quan đến quy định, nghĩa vụ của quan, chức, cá nhân khác và Hội đồng y ban tham gia phiên họp công bố sơ thẩm thì:

a) Nếu người khiếu nại rút đơn khiếu nại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu đình chỉ giải quyết yêu cầu thì Hội đồng xét xử phúc thẩm Hội đồng y ban án, quyết định sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Trình tự công bố này của quan, chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan đến

việc sửa đổi, hủy bỏ quy tắc hành chính, quy tắc xử lý vi phạm, quy tắc thi hành hành chính bị khiếm khuyết có quy định khác với án hành chính theo thẩm quyền chung;

b) Nếu người khiếm khuyết không rút đơn khiếu nại và người có quyền khiếu nại, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu đơn lập không rút yêu cầu thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bỏ án, quy tắc hành chính thẩm định xét xử thẩm định. Trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa ra quyết định, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan đơn việc sửa đổi, hủy bỏ quy tắc hành chính, quy tắc xử lý vi phạm, quy tắc thi hành hành chính bị khiếm khuyết vào tham gia thẩm định và cách là người có quyền khiếu nại, nghĩa vụ liên quan” (Điều 235).

35. Việc giải quyết vụ án hành chính theo thẩm quyền rút gọn

Luật TTHC năm 2015 quy định về thẩm quyền rút gọn giải quyết vụ án hành chính, theo đó việc án đơn giản giải quyết theo thẩm quyền rút gọn khi có đủ các điều kiện sau đây: việc án có tình tiết đơn giản, tài liệu, chứng cứ đầy đủ, rõ ràng, báo cáo đơn căn cứ giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ; các đương sự đều có đủ năng lực pháp luật, tự nguyện; không có đương sự có trụ sở nước ngoài,

trừ trường hợp đương sự nước ngoài có thẩm quyền xử lý vụ án tại Việt Nam đồng nghĩa Tòa án giải quyết theo thẩm quyền rút gọn. Việc xét xử sơ thẩm vụ án hành chính theo thẩm quyền rút gọn do một Thẩm phán thực hiện.

Ngoài quy định về điều kiện, thành phần giải quyết vụ án theo thẩm quyền rút gọn nêu trên, Luật cũng quy định về phạm vi áp dụng thẩm quyền rút gọn, việc quy định đưa ra vụ án ra giải quyết theo thẩm quyền rút gọn; việc khiếu nại, kiện nghị và giải quyết khiếu nại, kiện nghị việc quy định đưa ra vụ án ra giải quyết theo thẩm quyền rút gọn; việc phiên tòa theo thẩm quyền rút gọn; việc việc chuyển vụ án sang giải quyết theo thẩm quyền thông thường trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án theo thẩm quyền rút gọn; việc phiên tòa theo thẩm quyền rút gọn và hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án theo thẩm quyền rút gọn; đồng thời, Luật cũng quy định về việc giải quyết vụ án hành chính theo thẩm quyền rút gọn tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Đây là những quy định mới được bổ sung để cải thiện hóa quy định của Hiến pháp 2013, báo cáo giải quyết nhanh gọn, kịp thời những vụ án đơn giản, chứng cứ đã rõ ràng, tránh việc giải quyết vụ án bị kéo dài, gây tốn kém thời gian, công sức, chi phí của đương sự và của Tòa án trong việc giải quyết vụ án.

36. Về thẩm quyền quy định văn bản hành chính có yếu tố nước ngoài

Luật TTHC năm 2015 bổ sung Chương XVIII quy định về thẩm quyền quy định văn bản hành chính có yếu tố nước ngoài. Đây là quy định mới so với Luật TTHC năm 2010 phù hợp với chức năng của Đảng và Nhà nước và hội nhập quốc tế, tạo cơ chế pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài, quyền, lợi ích hợp pháp của người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

37. Về căn cứ, điều kiện để kháng nghị theo thẩm quyền giám đốc thẩm

Luật TTHC năm 2015 sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ căn cứ, điều kiện để kháng nghị theo thẩm quyền giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật:

“1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thẩm quyền giám đốc thẩm khi có một trong những căn cứ sau đây: a) Kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự; b) Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm cho đương sự không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, đến đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ không được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật; c) Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật đến đến việc ra bản án, quyết định không đúng gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của người thi ba.

2. Người có thẩm quyền kháng nghị quy định tại Điều 260 của Luật này kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và có đơn của người bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 257 và Điều 258 của Luật này, trừ trường hợp xâm phạm đến lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của người thi ba thì không cần thiết phải có đơn đề nghị” (Điều 255).

38. Về người có thẩm quyền kháng nghị theo thẩm quyền giám đốc thẩm

Đúng phù hợp với quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh án Tòa án, Viện trưởng Viện kiểm

sát theo Luật tố tụng Tòa án nhân dân và Luật tố tụng Vi phạm kinh tế nhân dân năm 2014, Luật TTHC năm 2015 quy định như sau:

“1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kinh tế nhân dân tối cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao; nghị quyết bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết, trừ quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2. Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kinh tế nhân dân cấp cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp tỉnh, Tòa án cấp huyện thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ (Điều 260).

39. Phạm vi hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm

Luật TTHC năm 2010 quy định hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm có thể kéo dài mãi mãi trong trường hợp đương sự có đơn đề nghị giám đốc thẩm trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật là không phù hợp. Vì vậy, Luật TTHC 2015 quy định hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm là 03 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (Điều 263).

40. Phạm vi thẩm quyền giám đốc thẩm; thủ tục phiên tòa giám đốc thẩm

- Luật TTHC năm 2015 quy định cách thức hóa thẩm quyền giám đốc thẩm của từng cấp theo quy định của Luật tố tụng Tòa án nhân dân năm 2014: *“y ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp tỉnh, Tòa án cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị;*

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao bị kháng nghị.

Luật cũng quy định như sau: nghị quyết trường hợp Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm 03 Thẩm phán và toàn thể Ủy ban Thẩm phán; nghị quyết trường hợp Hội đồng Thẩm phán xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm 05 Thẩm phán và toàn thể Hội đồng Thẩm phán.

- Số a) để, bổ sung quy định về thẩm quyền phiên tòa giám đốc thẩm phù hợp với việc chuyển xét xét giám đốc thẩm của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao và Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

41. Về thẩm quyền của Hội đồng xét xét giám đốc thẩm

Đề nghị bổ sung một số nội dung quy định các khi nào tiến hành chính theo thẩm quyền giám đốc thẩm, Luật TTHC năm 2015 quy định Hội đồng xét xét giám đốc thẩm có quy định số a) bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật:

“1. Hội đồng xét xét giám đốc thẩm ra quyết định số a) một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, rõ ràng; có đủ căn cứ để làm rõ các tình tiết trong vụ án; b) Việc số a) bản án, quyết định của Tòa án kháng nghị không thuộc những quy định, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

2. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án đã thi hành được một phần hoặc toàn bộ thì Hội đồng xét xét giám đốc thẩm phải giải quyết hồ sơ của việc thi hành án”.

Việc bổ sung thẩm quyền này của Hội đồng xét xét giám đốc thẩm sẽ bổ sung cho việc giải quyết vụ án không bị kéo dài, gây tốn kém thời gian và chi phí cho các đương sự và Tòa án; bổ sung giải quyết vụ án hiệu quả, tiết kiệm thời gian và chi phí một cách hợp lý; kịp thời khắc phục những sai sót trong xét xét, qua đó nâng cao hiệu quả công tác giải quyết các vụ án hành chính tại Tòa án.

42. Về thi hành án hành chính

Luật TTHC năm 2015 bổ sung quy định về thi hành án hành chính để bổ sung hiệu lực và tính khả thi trong việc thi hành các phán quyết của vụ án hành chính của Tòa án, theo đó thời hạn thi hành án là 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án, quyết định của Tòa án. Quá thời hạn này mà người phải thi hành án không thi hành thì người được thi hành án có quyền đơn Tòa án đã xét xét số thẩm quyền ra quyết định buộc thi hành bản án, quyết định của Tòa án;

đồng thời, Luật quy định về yêu cầu, quy trình xử lý vụ án, quy trình xử lý của Tòa án (Điều 312):

“1. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hết thời hạn quy định để đi tìm kiếm khoanh vùng Điều 311 của Luật này mà người phạm tội hành án không tự nguyện thì hành án có quy định kèm theo bản sao bản án, quy trình xử lý của Tòa án, tài liệu khác có liên quan đến người Tòa án đã xét xử sẽ thực hiện ra quy trình xử lý vụ án, quy trình xử lý của Tòa án.

Trên cơ sở yêu cầu thi hành án chấp hành minh bạch do trình độ khách quan hoặc do sự kiện bất khả kháng mà không thể yêu cầu thi hành án đúng thời hạn thì thời gian có trình độ khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng không tính vào thời hạn yêu cầu thi hành án.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người đi kiện thi hành án, Tòa án đã xét xử sẽ thực hiện ra quy trình xử lý vụ án hành chính. Quy trình xử lý vụ án thi hành án phải được gửi cho người phạm tội hành án, người đi kiện thi hành án, thủ tục quan công trên trình cấp của người phạm tội hành án và Viện kiểm sát cùng cấp. Thủ tục quan công trên trình cấp của người phạm tội hành án có trách nhiệm kê m tra, đơn kiện và xử lý trách nhiệm của người phạm tội hành án theo quy định của pháp luật. Quy trình xử lý vụ án thi hành án cũng phải gửi cho quan thi hành án dân sự nơi Tòa án đã xét xử sẽ thực hiện theo dõi việc thi hành án hành chính theo quy trình xử lý của Tòa án.

3. Chính phủ quy định về thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quy trình xử lý của Tòa án”.

43. Về án phí, lệ phí và chi phí tố tụng khác

Luật TTHC năm 2015 bổ sung Chương XXII quy định về án phí, lệ phí và chi phí tố tụng khác. Đây là chương mới nhằm luật hóa quy định về án phí, lệ phí, chi phí tố tụng khác trong tố tụng hành chính.

Ngoài ra, Luật TTHC năm 2015 còn pháp định hóa nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật TTHC năm 2010; sửa đổi, bổ sung nội dung quy định của Luật

BẢN TIN PHÁP LUẬT SỐ 13 (Tháng 7/2016)

Viết bởi Đàm Văn Lợi

Thứ hai, 04 Tháng 7 2016 10:05 - Lần cập nhật cuối: Chủ nhật, 13 Tháng 9 2020 14:20

TTHC năm 2010 nhằm khốc phục công nghiệp bất chấp, hướng dẫn trong thực tiễn giải quyết các khiếu nại hành chính, báo động hiềm nghi, hiềm nghi của việc giải quyết các khiếu nại hành chính, góp phần báo động quy định, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức./.

Luật gia: Cao Thanh Phương